

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC CÁC PHIÊN HIỆU ĐƠN VỊ THANH NIÊN XUNG PHONG
(Kèm theo Hướng dẫn số 57/HDLT-TĐTN-HCTNXP
ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Thành Đoàn và Hội Cựu TNXP Thành phố)

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
A	TNXP KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1950 - 1954)	
I	Đội TNXP công tác Trung ương (1950 - 1953)	
1	LPĐ Hoàng Hoa Thám (306)	Trung ương Đoàn TNCQ Việt Nam, Bộ Tư lệnh chỉ huy các chiến dịch: -Biên giới (Thu - Đông 1950); -Trần Hưng Đạo - Trung du (Đông - Xuân 1950 - 1951); -Hoàng Hoa Thám - Đông bắc (mùa Xuân 1951); -Quang Trung - Hà Nam Ninh (Xuân - Hè 1951)
2	LPĐ Trần Phú (307)	
3	LPĐ Hoàng Văn Thụ (308)	
4	LPĐ Hoàng Hữu Nam	
5	LPĐ Hồ Tùng Mậu (312)	
6	LPĐ Tô Hiệu	
7	LPĐ Hà Huy Tập	
8	LPĐ Minh Khai	
9	LPĐ Lê Hồng Phong	
10	LPĐ Trần Hưng Đạo	
11	LPĐ Quang Trung	
12	LPĐ Lê Lợi	
13	LPĐ Lý Thường Kiệt	
14	LPĐ Phan Đình Phùng	
15	LPĐ Huỳnh Thúc Kháng	
II.	Đoàn TNXP Trung ương - Đoàn XP (1953 - 1954)	
1	Đội TNXP 34	Tổng cục Cung cấp; Trung ương Đoàn thanh niên cứu quốc Việt Nam
2	Đội TNXP 36	
3	Đội TNXP 38	
4	Đội TNXP 40	
5	Đội TNXP 42	
III	Các đơn vị TNXP độc lập (1953 - 1954)	
1	Đại đội 261 (C261)	Tổng cục Cung cấp, Trung ương Đoàn TN cứu quốc Việt nam
2	Đại đội 263 (C263)	
3	Đại đội 264 (C264)	
4	Đại đội 266 (C266)	
5	Đại đội 412 (C412)	
6	Đại đội TNXP 196 (C196)	Công trường 411
7	Đại đội TNXP 197 (C197)	
8	Đại đội TNXP 291 (C291)	
9	Đại đội TNXP 292 (C292)	T40
10	Đại đội TNXP 293 (C293)	Công trường 412
11	Đại đội TNXP 294 (C294)	

12	Đại đội TNXP 295 (C295)	Công trường 411, 412
13	Đại đội TNXP 298 (C298)	T100, Công trường 4
10	Đại đội TNXP 293 (C293)	Công trường 412
11	Đại đội TNXP 294 (C294)	
12	Đại đội TNXP 295 (C295)	Công trường 411, 412
13	Đại đội TNXP 298 (C298)	T100, Công trường 4
14	Đại đội TNXP 300 (C300)	Công trường 14Z2
15	Đại đội TNXP 301 (C301)	Công trường 411, Công trường 4
16	Đại đội TNXP 302 (C302)	
17	Đoàn TNXP Tô Hiệu B (K54)	Sư Đoàn 320
IV	Thanh niên xung phong Khu V	
1	Tổng đội TNXP 204	Đoàn Thanh niên cứu quốc Khu V
2	Liên phân đội 45	
3	Đội La Văn Cầu	
4	Đội Hoài Sơn	
5	Đội Quảng Điền	
6	Đội TNXP cứu quốc	
7	Tổng đội TNXP 400	
V	Thanh niên xung phong các địa phương	
1	Đội Liên khu Đoàn III, gồm các đơn vị:	
-	Mạnh Tiến	Liên khu Đoàn III, Trạm VT liên khu 3-4
-	Đoàn Kết	
-	Quyết Tiến	Liên khu Đoàn III, Quân khí liên khu 3-4
-	Xung phong	
-	Trần Tử Bình	Liên khu Đoàn III
2	Đại đội TNXP 226 (C226)	UBHC tỉnh Lạng Sơn
3	Đại đội TNXP 227 (C227)	
4	Đại đội TNXP 228 (C228)	
5	Đại đội TNXP 229 (C229)	
6	Đại đội TNXP 213 (C213)	UBHC tỉnh Tuyên Quang
7	Đại đội TNXP 216 (C216)	
8	Đại đội TNXP 217 (C217)	
9	Tiểu đoàn TNXP Thừa Thiên	Khu ủy Trị Thiên
10	Đại đội NXP Miền Tây 1 (C1)	
11	Đại đội TNXP Miền Tây 2 (C2)	
12	Đội TNXP công tác Phú Thọ	UBHC tỉnh Phú Thọ
13	Đại đội TNXP 231 (C231)	UBHC tỉnh Bắc Giang Ty Giao thông công chính Bắc Giang
14	Đại đội TNXP 232 (C232)	
15	Đại đội TNXP 236 (C236)	
16	Đại đội TNXP 251 (C251)	Ty Giao thông Cao Bằng
17	Đại đội TNXP 201 (C201)	

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
18	Đại đội TNXP 202 (C202)	Ty giao thông Bắc Cạn (1951 - 1954)
19	Đại đội TNXP 203 (C203)	
20	Đội TNXP công tác Yên Bái	UBHC tỉnh Yên Bái
21	Đội TNXP Công tác Hòa Bình (gồm 4 đv: C1, C2, C3, Cầu đường)	UBHC tỉnh Hòa Bình
22	Đội TNXP công tác Thái Bình	Liên khu Đoàn III
23	Đội TNXP công tác Hải Phòng	
24	Đại đội TNXP H16 (C116)	
25	Đội TNXP Cù Chính Lan	Ty Giao thông công chính Nghệ An
26	Đội Bảo vệ cầu đường	Ty Giao thông công chính Thanh Hóa
B.	THANH NIÊN XUNG PHONG CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC	
I	Thanh niên xung phong các tỉnh miền Nam (1965 - 1975)	
1	Tổng đội TNXP giải phóng miền Nam - C25	
-	Đại đội 2311 (Hoàng Lê Kha) - C2311	TW Đoàn TNNDPCM miền Nam, F5 - Đoàn 84, Đoàn 86
-	Đại đội 1265 (Bình Dã chiến thắng) - C1265	
-	Đại đội TNXP 204 (Áp Bắc II) - C204	
-	Đại đội TNXP 204 (Áp Bắc II) - C204	
-	Đại đội 198 (Thành đồng) - C198	TW Đoàn TNNDPCM, F9 - Đoàn 82
-	Đại đội TNXP 112 (Phúc Lợi cầm thù) - C112	TW Đoàn TNNDPCM miền Nam, F7-Đoàn 70, Đoàn 83
-	B650 (Đoàn Thị Liên)	
-	Đại đội TNXP 2163 (Áp Bắc I) - C2163	
-	Đại đội TNXP 32 (Tây Đô) - C32	
-	Đại đội TNXP 100 - C100	Trung ương cục miền Nam - Trung ương Đoàn TNNDPCM miền Nam
-	Đại đội 29 (Hiệp Hòa anh dũng I, II) - C29	
-	Liên đội TNXP phân khu II	
-	Đại đội TNXP Long An	
-	Đại đội TNXP Kiến Tường	TW Đoàn TNNDPCM, Khu ủy 6
-	Đại đội TNXP 2012 (Nguyễn Văn Tư) - C2012	
-	H50	
-	Liên đội TNXP I	
-	Liên đội TNXP II	Bộ tư lệnh Khu 9, Trung ương Đoàn TNNDPCM miền Nam
-	Đại đội TNXP Phân khu Đoàn I	TW Đoàn TNNDPCM, Phân khu I
-	D 601	Quân giải phóng miền Nam, Trung ương Đoàn TNNDPCM miền Nam
-	Q761, Q762, Q763, Q16	
-	F22 - QK4	

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
2	Thanh niên xung phong các địa phương	
-	Đại đội TNXP Nguyễn Văn Trỗi	Đoàn TNND CM tỉnh Bình Thuận
-	Đại đội TNXP Lý Tử Trọng	
-	Đại đội TNXP Nguyễn Thị Hòa	
-	Đại đội TNXP Giải phóng Bình Thuận	
-	Đại đội TNXP 1167 (Đồng Xuân Quyết Thắng) - C1167	Đoàn TNND CM tỉnh Trà Vinh
-	Đại đội Hòn Đất I	Đoàn TNND CM tỉnh Kiên Giang
-	Đại đội Hòn Đất II	
-	Đại đội TNXP 239 (Nguyễn Viết Khái) - C239	Đoàn TNND CM tỉnh Cà Mau
-	Đại đội TNXP Tây đô Quyết Thắng IV	Đoàn TNND CM tỉnh Cần Thơ
-	Mai Thanh Thế I	Đoàn TNND CM tỉnh Sóc Trăng
-	Mai Thanh Thế II	
-	Đại đội TNXP Vĩnh Long	Đoàn TNND CM tỉnh Vĩnh Long
-	Lực lượng TNXP cơ sở tỉnh Bến Tre, gồm: Các Đội TNXP cơ sở xã:	
	Hữu Định, Tam Phước, Phước Thạnh, An Hòa, Phú Túc, An Phước, Thành Triệu, Phú Đức, Giao Long, Phú An Hòa, Tân Thạch, An Khánh, Tường Đa, Quới Thành (12/1965 - 4/1975); Quới Sơn (2/1967 - 4/1975); Giao Hòa, Tân Phú (12/1968 - 4/1975).	Đoàn TNND CM huyện Châu Thành
	Tân Hội, Đa Phước Hội, An Định, (7/1965 - 4/1975); An Thạnh (1/1969 - 4/1975); Ngãi Đăng (1/1972 - 4/1975); Tân Trung, Minh Đức, Định Thủy, (11/1966 - 4/1975); Thành Thới A, Thành Thới B, Phước Hiệp, An Thới (12/1965 - 4/1975); Bình Khánh Đông, Bình Khánh Tây (10/1965 - 4/1975); Cẩm Sơn (11/1965 - 4/1975);	Đoàn TNND CM huyện Mỏ Cày Nam
	Hưng Lễ (1/1966-4/1975); Tân Lợi Thạnh, Sơn Phú (10/1965-4/1975); Châu Hòa (11/1965-4/1975); Lương Hòa (12/1966-4/1975); Thạnh Phú Đông (5/1960-4/1975); Hưng Phong, Thuận Điền (12/1965-4/1975); Long Mỹ, Phước Long (12/1965-4/1975); Lương Phú (3/1965 - 4/1975)	Đoàn TNND CM huyện Giồng Trôm
	Tân Bình (1967); Nhuận Phú Tân, Tân Thành Bình, Tân Phú Tây, Thanh Tân (4/1965-4/1975); Phú Mỹ, Hòa Lộc (1/1966-4/1975); Khánh Thạnh Tân, Tân Thanh Tây (1967-1975); Phước Mỹ Trung (7/1968-5/1975); Thành An (2/1965-4/1975); Thạnh Ngãi (2/1966-4/1975); Hưng Khánh Trung A (4/1969-4/1975)	Đoàn TNND CM huyện Mỏ Cày Bắc
	Phú Phụng, Hòa Nghĩa, Vĩnh Thành, Tân Thiện, Vĩnh Hòa, Hưng Khánh Trung A, Phú Sơn (4/1965-4/1975); Vĩnh Bình, Sơn Định, Long Thới (6/1967-4/1975);	Đoàn TNND CM huyện Chợ Lách - huyện Rừng Trôm

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
	Bảo Thanh, Phú Lễ (1/1965-4/1975); Bảo Thuận, Tân Xuân, Phước Tuy, TT Ba Tri, Vĩnh Hòa, Mỹ Nhơn, Mỹ Chánh, Mỹ Hòa, Tân Hưng (10/1965-4/1975); An Đức (10/1961-4/1975); Mỹ Thạnh (4/1968-4/1975); An Ngãi Tây (1/1966-4/1975)	Đoàn TNND CM huyện Ba Tri
-	Bình Giả chiến thắng II (6/1966 - 10/1970)	Tỉnh Ủy Bà Rịa - Vũng Tàu
-	Võ Thị Sáu (1966 - 1975)	
-	Đội TNXP du kích vành đai huyện Bắc Ái Đông	Tỉnh Ủy Ninh Thuận
-	Đội TNXP du kích vành đai huyện Bắc Ái Tây	
-	Đội TNXP du kích vành đai huyện Anh dũng	
II.	Thanh niên xung phong Quân khu V (1965 - 1975)	
1	Thanh niên xung phong tập trung Khu V	
-	Tổng đội (Liên đội) TNXP Nguyễn Văn Trỗi	Đoàn Thanh niên NDCM Khu 5
-	Tổng đội TNXP Quyết Thắng	
-	Tiểu đoàn TNXP Hắc Hải	Đoàn thanh niên NDCM Khu 5 Cục Hậu cần Khu 5
-	X14, X24 Làng Cung	
-	Công trường 150 (CT150)	Đoàn Thanh niên NDCM Khu 5, Ban Giao vận Khu 5
-	Công trường X, Bệnh xá Công trường X	
-	Công trường 1 TNXP	
-	Công trường 2 TNXP	
-	Công trường 3 TNXP	
-	Công trường 2/9	
-	Đội Khảo sát thiết kế	
-	Xưởng cơ khí X72	
-	Bệnh viện Ban Giao vận Khu 5	
-	Đoàn vận tải ô tô, gồm 6 đơn vị: Đoàn 1; Đoàn 2; Đoàn 3; Đoàn 4; Đoàn 7; Đoàn 10.	
-	Trường Đào tạo lái xe	
-	Trường đào tạo Kế toán	
-	Bệnh xá 2	
-	Trường Trung cấp Giao thông	
-	Xưởng đóng thuyền X75	
2	Thanh niên xung phong tỉnh Kon Tum	
-	H846 tỉnh Kon Tum	Tỉnh Ủy Kon Tum
-	Công trường 150 (CT150)	
3	Thanh niên xung phong tỉnh Phú Yên	
-	Tổng đội TNXP Phú Yên	Ban Giao vận tỉnh Phú Yên
-	Đại đội Tuy Hòa I	
-	Đại đội Tuy Hòa II	

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
4	Thanh niên xung phong tỉnh Bình Định	
-	Tổng đội TNXP tỉnh Bình Định (10/1967 - 2/1969)	Hội đồng cung cấp tiền tuyến tỉnh Bình Định
-	Liên đội TNXP Ngô Mỹ (1965 - 1967)	
-	Liên đội TNXP Nguyễn Kim (1965 - 1967)	
-	Đoàn TNXP Bắc Sơn (1969 - 1972)	Ban Giao vận tỉnh Bình Định
-	Đoàn TNXP Nam Sơn (1969 - 1972)	
-	Đoàn TNXP Trung Sơn (1969 - 1972)	
-	Công trường Bình Gia - Công trường 4 (1972 - 1975)	
-	Công trường 26/3 - Đội cầu (1972 - 1975)	
-	Đội TNXP Phố 117 (1969 - 1972)	
-	Công trường 9/1 (1969 - 1972)	
-	Công trường Hòa Bình (1973 - 1975)	UBND tỉnh Bình Định
-	Công trường Vĩnh Thạnh (1972 - 1975)	
-	Đoàn Sao Mai - Đội vận tải (1969 - 1972)	Ban Giao vận tỉnh Bình Định
-	Đoàn Kim Sơn - Đội Khảo sát (1969 - 1972)	
-	Đoàn Hồng Sơn - Đội sản xuất (1969 - 1972)	
-	Đoàn Thanh Sơn - Đội xe đạp thồ (1969 - 1972)	
-	Đoàn Tây Sơn - Tuyến đường 600 Vĩnh Thạnh (1969 - 1972)	
-	Đoàn Sao Kim - Tuyến đường 200 (1969 - 1972)	
-	Nhà trường - Phố 212 (1969 - 1972)	
-	Trạm xá cánh Bắc (1972 - 1975)	
-	Công trường Phú Ninh Cát Sơn (1972 - 1975)	
-	Xưởng cơ khí 1/5 - Xưởng sửa chữa ô tô (1972 - 1975)	
-	Đội thuyền TNXP (1972 - 1975)	
-	Đội TNXP Hòa Nhơn (1972 - 1975)	
-	Đội TNXP Hoài Ân (1972 - 1975)	
-	Đội Kim Tượng - Đội xe ô tô (1972 - 1975)	
-	Đội TNXP Kim Mã - Đội xe mô tô (1972 - 1975)	
5	Thanh niên xung phong tỉnh Quảng Ngãi (1965 - 1967)	
-	Tổng đội TNXP H.70B	Hội đồng tiền phương Quảng Ngãi
-	Đội (Liên đội) TNXP vận tải Ba Tư	
-	Đội (Liên đội) TNXP vận tải Nguyễn Văn Trỗi	
-	Đội TNXP vận tải Trà Bồng	

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
-	Đội TNXP vận tải Khu 7 Tây Sơn	Hội đồng tiền phương Quảng Ngãi
-	Tiểu đoàn Hắc hải Quảng Ngãi	
-	Đội TNXP vận tải Trung Hải	
-	Đội TNXP vận tải Nam Hải	
-	Tiểu đoàn vận tải đường bộ (D113)	
-	Đội vận tải xe đạp thồ (C34)	
-	Đội vận tải ô tô Sao Mai	
-	Đội TNXP Sông Hồng	Ban Giao vận tỉnh Quảng Ngãi
-	Đội Khảo sát thiết kế	
-	Xưởng sửa chữa ô tô	
-	Tiểu đoàn vận tải đường bộ (D114)	
-	Đội TNXP vận tải đường bộ (C14)	
-	Trạm xá B72	
-	Trạm xá B73	
-	Công trường X	
-	Công trường 288	
-	Công trường 2/9	
-	Công trường 2	
-	Công trường 26/3	
-	Đội TNXP Trường Sơn	
-	Công trường 5	
-	Đội TNXP xe đạp thồ Quyết tiến	
-	Hạt Bảo dưỡng đường bộ I	
-	Hạt Bảo dưỡng đường bộ II	
-	Hạt Bảo dưỡng đường bộ III	
-	Hạt Bảo dưỡng đường bộ IV	
-	Đội TNXP vận tải Bình Sơn Tĩnh	
-	Đội TNXP vận tải Sơn Tĩnh	
-	Đội TNXP vận tải Tư nghĩa	
-	Đội TNXP vận tải Mộ Đức	
-	Đội TNXP vận tải Nghĩa hành	
-	Đội TNXP vận tải Ba Tơ	
-	Đội TNXP vận tải Sơn Hà	
-	Đội TNXP vận tải Đông Sơn	
-	Đội TNXP vận tải Tư nghĩa	
-	Đội TNXP vận tải đường bộ Sao Mai	
-	Đội TNXP vận tải xe đạp thồ Trung Sơn	
-	Đội TNXP vận tải đường bộ Quyết Thắng	
-	Đội TNXP vận tải Hắc Hải	

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
-	Đội TNXP vận tải Đức Phổ	Ban Giao vận tỉnh Quảng Ngãi
6	Thanh niên xung phong tỉnh Quảng Nam	
-	Tổng đội Nguyễn Văn Bé	Hội đồng cung cấp tiền phương tỉnh Quảng Nam
-	Tổng đội Đồng Phước Huyền	
-	Đoàn TNXP Nam Sơn	
-	Liên đội TNXP Võ Thị Sáu	
7	TNXP Đặc khu Quảng Đà (tỉnh Quảng Đà, TP Đà Nẵng)	Hội đồng cung cấp tiền phương Đặc khu Quảng Đà
-	Tổng đội TNXP Quảng Đà	
-	Liên đội TNXP Võ Như Hưng	
-	Đoàn TNXP Đông Sơn	
-	Đoàn TNXP Trung Sơn	
-	Tổng đội TNXP Nguyễn Văn Trỗi	
8	Thanh niên xung phong tỉnh Thừa Thiên	
-	Đại đội hành lang TNXP - C4 K200 (1965 - 1968)	Tỉnh ủy Trị Thiên
-	Đoàn xe TNXP (1972 - 1975)	
-	Các Phân ban A, B, C, D TNXP - Ban Kinh tế (1965 - 1969)	
-	Tuyến Thống nhất B - Ban Kinh tế (1970 - 1975)	
-	Tuyến LT 11 - Ban Kinh tế (1970 - 1975)	
9	Thanh niên xung phong tỉnh Quảng Trị	
-	Liên đội TNXP giải phóng Quảng trị	UBHC tỉnh Quảng Trị
-	Đại đội TNXP 368 (C368)	Khu ủy Vĩnh Linh
-	Đại đội TNXP ĐKT2-XB (ĐKT2-XB)	UBHC Đặc khu Vĩnh Linh
-	Đại đội TNXP 771 (C771)	
-	Trung đội TNXP B30VK2 (B30VK2)	Tỉnh ủy Quảng Trị
-	Đại đội TNXP 371 (C371)	Ty GTVT Đặc khu Vĩnh Linh
-	Đại đội TNXP 331 (C331)	
III.	TNXP chống Mỹ cứu nước miền Bắc (1965 - 1975)	
1	Thanh niên xung phong tập trung Trung ương	
-	Đội TNXP 13 (N13)	TTy GTVT Tuyên Quang
-	Đội TNXP 15 (N15)	Ty GTVT Thanh Hóa, Ban Xây dựng 67
-	Đội TNXP 16 (N16)	Ban Xây dựng 67
-	Đội TNXP 17 (N17)	Ty GTVT Thanh Hóa
-	Đội TNXP 19 (N19)	Cục Đường bộ, CTy Đ. goòng, Ban XD 67
-	Đội TNXP 20 (N20)	Ban Xây dựng 67

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
-	Đội TNXP 21 (N21)	Công trường 128, Đoàn 559
-	Đội TNXP 23 (N23)	Ban XD 67, BT8-Đoàn 559, CTy Đ.goòng
-	Đội TNXP 25 (N25)	Ban XD 67, Đoàn 559
-	Đội TNXP 27 (N27)	CTy Đường goòng, Cục Công trình I, II
-	Đội TNXP 29 (N29)	BT12-Đ559, Cục Đ.bộ, CTy-Đường goòng
-	Đội TNXP 30 (N30)	Bộ Tư lệnh Đoàn 559
-	Đội TNXP 31 (N31)	Công trường 20, C.trường128 - Đoàn 559
-	Đội TNXP 32 (N32)	Ty GTVT Sơn La
-	Đội TNXP 33 (N33)	CTy Đ.goòng, CT20, CT128 - Đoàn 559
-	Đội TNXP 34 (N34)	Công Ty Đường goòng
-	Đội TNXP 35 (N35)	CTy Đường goòng, TĐ768 - Cục C.trình I
-	Đội TNXP 37 (N37)	Tổng đội 768-Cục Công trình I
-	Đội TNXP 39 (N39)	Tổng đội 768-Cục C.trình I, Ban XD 67
-	Đội TNXP 40 (N40)	Ty GTVT Hà Tĩnh
-	Đội TNXP 41 (N41)	Tổng đội 768 - Cục Công trình I
-	Đội TNXP 43 (N43)	Cục Công trình I
-	Đội TNXP 44 (N44)	Tổng đội 768, Ban Xây dựng 67, Đoàn 559
-	Đội TNXP 45 (N45)	CTy Đường goòng, TĐ768 - Cục C.trình I
-	Đội TNXP 47 (N47)	Ty GTVT Thanh Hóa (CT Đồng xoài)
-	Đội TNXP 49 (N49)	Ty GTVT TP.Hà Nội
-	Đội TNXP 51 (N51)	
-	Đội TNXP 53 (N53)	Ty GTVT Hà Tĩnh
-	Đội TNXP 55 (N55)	
-	Đội TNXP 57 (N57)	Ty GTVT Lạng Sơn
-	Đội TNXP 59 (N59)	Cục Công binh- CT130 (Sân bay Yên Bái)
-	Đội TNXP 61 (N61)	TC Lâm nghiệp, Ty GTVT Tuyên Quang
-	Đội TNXP 63 (N63)	Tổng cục Đường sắt
-	Đội TNXP 65 (N65)	

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
-	Đội TNXP 67 (N67)	Tổng cục Đường sắt
-	Đội TNXP 69 (N69)	Công ty đường goòng, Ban Xây dựng 67
-	Đội TNXP 71 (N71)	Ty GTVT Nghệ An
-	Đội TNXP 72 (N72)	Ty GTVT Hà Tĩnh
-	Đội TNXP 73 (N73)	CTy Đường goòng, Ban XD 67
-	Đội TNXP 75 (N75)	Ty GTVT Quảng Bình, Ban XD 67
-	Đội TNXP 77 (N77)	Ty GTVT Hải Phòng
-	Đội TNXP 78 (N78)	Ty GTVT Quảng Ninh
-	Đội TNXP 79 (N79)	Công ty Đường goòng, Ban Xây dựng 67
-	Đội TNXP 81 (N81)	
-	Đội TNXP 82 (N82)	
-	Đội TNXP 83 (N83)	Công ty Đường goòng, Ban Xây dựng 67
-	Đội TNXP 84 (N84)	
-	Đội TNXP 85 (N85)	
-	Đội TNXP 86 (N86)	Tổng cục Đường sắt
-	Đội TNXP 87 (N87)	Công ty Đường goòng, Ban Xây dựng 67
-	Đội TNXP 89 (N89)	
-	Đội TNXP 91 (N91)	UBND tỉnh Bắc Thái
-	Đội TNXP 93 (N93)	Tổng cục Đường sắt
-	Đội TNXP 95 (N95)	Tổng cục Đường sắt, Tổng đội 768
-	Đội TNXP 97 (N97)	Ty Lâm nghiệp, GTVT Phú Thọ
-	Đội TNXP 99 (N99)	Ty GTVT Lào Cai
-	Đội TNXP 101 (N101)	Cục Đường bộ, Tổng cục Đường sắt
-	Đội TNXP 103 (N103)	Tổng cục Lâm nghiệp
-	Đội TNXP 105 (N105)	Ty Lâm nghiệp Hòa Bình
-	Đội TNXP 107 (N107)	Tổng cục Lâm nghiệp, Ban XD67
-	Đội TNXP 109 (N109)	Ty Lâm nghiệp, GTVT Tuyên Quang
-	Đội TNXP 111 (N111)	Ty Lâm nghiệp Hòa Bình
-	Đội TNXP 113 (N113)	Tổng cục Lâm nghiệp
-	Đội TNXP 119 (N119)	Ty GTVT Quảng Bình, Ban Xây dựng 67
-	Đội TNXP 123 (N123)	Cục Công trình I
-	Đội TNXP 125 (N125)	Tổng cục Lâm Nghiệp
-	Đội TNXP 133 (N133)	Ty GTVT Lai Châu
-	Đội TNXP 164 (N164)	Bộ Tư lệnh Đoàn 559
-	Đội TNXP 166 (N166)	
-	Đội TNXP 189 (N189)	Ty GTVT Thanh Hóa
-	Đội TNXP 201 (N201)	Bộ Tư lệnh Đoàn 559

Số TT	Đơn vị TNPX	Cơ quan quản lý
-	Đội TNPX 202 (N202)	TC Đường sắt, Ty GTVT Quảng Bình
-	Đội TNPX 203 (N203)	
-	Đội TNPX 205 (N205)	Ty GTVT Thanh Hóa
-	Đội TNPX 206 (N206)	Cục Đường Sông
-	Đội TNPX 207 (N207)	Bộ Tư lệnh Đoàn 559
-	Đội TNPX 209 (N209)	Tổng cục Đường sắt
-	Đội TNPX 210 (N210)	
-	Đội TNPX 213 (N213)	Bộ Tư lệnh Đoàn 559
-	Đội TNPX 215 (N215)	Ty GTVT Phú Thọ
-	Đội TNPX 221 (N221)	Ty GTVT Sơn La, Ty GTVT Quảng Bình
-	Đội TNPX 223 (N223)	Ty GTVT Nghệ An, Tổng cục Hậu Cần
-	Đội TNPX 225 (N225)	Ty GTVT, Ty Lâm nghiệp Phú Thọ
-	Đội TNPX 227 (N227)	Tổng cục Hậu cần (CT130 Yên Bái)
-	Đội TNPX 229 (N229)	Tổng cục Đường sắt, Ban Xây dựng 67
-	Đội TNPX 231 (N231)	Tổng cục Hậu Cần
-	Đội TNPX 232 (N232)	Ty GTVT Nghệ An
-	Đội TNPX 233 (N233)	Ty GTVT Sơn La, Lai Châu
-	Đội TNPX 234 (N234)	Ty GTVT Nghệ An
-	Đội TNPX 235 (N235)	Ty GTVT Quảng Bình, Ban XD 67
-	Đội TNPX 236 (N236)	Ty GTVT Nghệ An
-	Đội TNPX 237 (N237)	Ty GTVT Thanh Hóa, Ban XD 67
-	Đội TNPX 238 (N238)	Ty GTVT Nghệ An
-	Đội TNPX 239 (N239)	
-	Đội TNPX 240 (N240)	
-	Đội TNPX 241 (N241)	Ty GTVT Quảng Bình,
-	Đội TNPX 243 (N243)	
-	Đội TNPX 245 (N245)	Cục QL Đường bộ, Tổng cục Đường sắt
-	Đội TNPX 247 (N247)	Tổng cục Đường sắt, Đoàn 559,
-	Đội TNPX 249 (N249)	Ty Lương thực Hà Tĩnh, TC Hậu cần
-	Đội TNPX 251 (N251)	Cục Quản lý đường biển, Ban XD 67
-	Đội TNPX 253 (N253)	Tổng đội 572 - Ban Xây dựng 64, Đoàn 557
-	Đội TNPX 255 (N255)	
-	Đội TNPX 257 (N257)	
-	Đội TNPX 259 (N259)	
-	Đội TNPX 261 (N261)	

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
-	Đội TNXP 263 (N263)	Cục Đường sông, Ban Xây dựng 67
-	Đội TNXP 265 (N265)	Công Ty Đường goòng
-	Đội TNXP 267 (N267)	CTy Đường goòng, Ban Xây dựng 67
-	Đội TNXP 269 (N269)	Cục Công trình I, CTy Đường goòng
-	Đội TNXP 271 (N271)	Ty GTVT Nghệ An, T.CĐ.sắt, Ban XD 67
-	Đội TNXP 273 (N273)	Ty GTVT Nghệ An, Cục QL Đường bộ
-	Đội TNXP 275 (N275)	Cục Quản lý Đường bộ
-	Đội TNXP 277 (N277)	
-	Đội TNXP 279 (N279)	
-	Đội TNXP 281 (N281)	Cục Đường sông
-	Đội TNXP 283 (N283)	Tổng cục Đường sắt, Ban XD 67
-	Đội TNXP 285 (N285)	Ty GTVT Quảng Bình
-	Đội TNXP 287 (N287)	Ty GTVT Thanh Hóa, Quảng Bình
-	Đội TNXP 289 (N289)	Ty GTVT Nghệ An, Cục QL Đường bộ
-	Đội TNXP 291 (N291)	Ty GTVT Thanh Hóa
-	Đội TNXP 293 (N293)	Ty GTVT Quảng Bình
-	Đội TNXP 295 (N295)	
-	Đội TNXP 297 (N297)	Cục QL Đường bộ, Đoàn 559
-	Đội TNXP 299 (N299)	Ty GTVT Hà Tĩnh
-	Đội TNXP 300 (N300)	Ty GTVT Nghệ An
-	Đội TNXP 301 (N301)	Ty GTVT Nghệ An, T.cục Lâm nghiệp
-	Đội TNXP 303 (N303)	Ty GTVT Quảng Bình, Đoàn 559
-	Đội TNXP 305 (N305)	Ty GTVT Thanh Hóa, Quảng Bình
-	Đội TNXP 309 (N309)	Ty GTVT Nghệ An, Quảng Bình
-	Đội TNXP 311 (N311)	Ty GTVT Cao Bằng
-	Đội TNXP 313 (N313)	Tổng cục Hậu cần
-	Đội TNXP 315 (N315)	Tổng cục Đường sắt, Đoàn 559
-	Đội TNXP 319 (N319)	Ty GTVT Thanh Hóa, Đoàn 559
-	Đội TNXP 327 (N327)	Ty GTVT Nam Hà, Ty GTVT Nghệ An
-	Đội TNXP 329 (N329)	Bộ tư lệnh Đoàn 559
-	Đội TNXP 324 (N324)	UBHC Đặc khu Vĩnh Linh
-	Đội TNXP 341 (N341)	Ty GTVT Lạng Sơn, Ban Xây dựng 67

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
-	Đội TNXP 343 (N343)	Cục Công trình I, Cục Công trình II
-	Đội TNXP 345 (N345)	Bộ Tư lệnh Đoàn 559
-	Đội TNXP 353 (N353)	Ty GTVT Nghệ An
-	Đội TNXP 365 (N365)	Ty GTVT Lạng Sơn
-	Đội TNXP 367 (N367)	Tổng cục Đường sắt
-	Đội TNXP 368 (N368)	Ủy ban hành chính huyện Vĩnh Linh
-	Đội TNXP 378 (N378)	Ty GTVT Cao Bằng
-	Đội TNXP 409 (N409)	Ban Xây dựng 67
-	Đội TNXP 419 (N419)	
-	Đội TNXP 529 (N529)	Bộ Tư lệnh Đoàn 559
-	Đội TNXP 696 (N696)	Cơ động
-	Đại đội TNXP 1251 (C1251)	Ty GTVT Thanh Hóa, Quảng Trị
-	Đại đội TNXP 2311 (C2311)	Ty GTVT Quảng Bình
-	Đại đội TNXP 2351 (C2351)	
-	Đại đội TNXP 2372 (C2372)	Bộ Tư lệnh Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 2472 (C2472)	
-	Đại đội TNXP 2491 (C2491)	Bình trạm 23 - BTL Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 2493 (C2493)	Cục Quân y - Bộ Quốc Phòng
-	Đại đội TNXP 2494 (C2494)	Cục Vật tư - Bộ Quốc phòng
-	Đại đội TNXP 2495 (C2495)	Cục QL Đường bộ, Cục Quản lý xe (A167)
-	Đại đội TNXP 2511 (C2511)	Cục Quản lý Đường bộ
-	Đại đội TNXP 2512 (C2512)	Đội cầu 19 - Cục QL Đường bộ
-	Đại đội TNXP 2513 (C2513)	Cục Quản lý Đường bộ
-	Đại đội TNXP 2653 (C2653)	Bộ Tư lệnh Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 3211 (C3211)	Ty GTVT Nam Hà, Cục QL Đường bộ
-	Đại đội TNXP 3213 (C3213)	Ty GTVT Hà Tây, Cty Đường goòng
-	Đại đội TNXP 3214 (C3214)	Cục Đường sông
-	Đại đội TNXP 3215 (C3215)	Ty GTVT Ninh Bình
-	Đại đội TNXP 3217 (C3217)	Ty GTVT Thái Bình
-	Đại đội TNXP 3219 (C3219)	Cục Đường sông
-	Đại đội TNXP 3221 (C3221)	Ty GTVT Hải Hưng, Cục Đường bộ
-	Đại đội TNXP 3223 (C3223)	Ty Lương thực Q.Bình, BT16 - Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 3225 (C3225)	Ty GTVT Hà Tây, Cục Đường sông
-	Đại đội TNXP 3227 (C3227)	Ty GTVT Vĩnh Linh
-	Đại đội TNXP 3229 (C3229)	UBHC tỉnh - Ty GTVT Hà Bắc

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
-	Đại đội TNXP 3231 (C3231)	Ty GTVT Vĩnh Phú, Cục Đường sông
-	Đại đội TNXP 3233 (C3233)	Ty CTVT Hải Phòng, Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 3234 (C3234)	Ty Thủy lợi Vĩnh Linh
-	Đại đội TNXP 3235 (C3235)	BTL Đoàn 559, UBHC tỉnh Quảng Trị
-	Đại đội TNXP 3236 (C3236)	Cục Đường sông (Đội trực vớt tàu quốc)
-	Đại đội TNXP 3237 (C3237)	Ty GTVT Hà Tĩnh, Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 3514 (C3514)	Bộ Tư lệnh Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 3551 (C3551)	Ty GTVT Thanh Hóa
-	Đại đội TNXP 9126-834 (C9126-834)	Bộ Tư lệnh Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 70559 (C70559)	Tổng cục Hậu cần
-	Đại đội TNXP 3 (C3)	E2 - Quân khu Tả ngạn
-	Đại đội TNXP 7 (C7)	
-	Đại đội TNXP 6 (C6)	D195 - E8 - Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 5 (C5)	
-	Đại đội TNXP 2 (C2)	D3 - F473
-	Đại đội TNXP 2 (C2)	Binh trạm 17 - Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 6 (C6)	
-	Đại đội TNXP 4 (C4)	Binh trạm-15 - Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 29 (C29)	
-	Đại đội TNXP 30 (C30)	Binh trạm 14 - Đoàn 559
-	Tiểu đoàn TNXP 171 (D171)	Binh trạm 17 - Đoàn 559
-	Tiểu đoàn TNXP 75 (D75)	Binh trạm 16 - Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 2 (C2)	D31 - Binh trạm 17 - Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 452 (C452)	
-	Đại đội TNXP 454 (C454)	
-	Đại đội TNXP 456 (C456)	
-	Đại đội TNXP 458 (C458)	
-	Đại đội TNXP 459 (C459)	
-	Đại đội TNXP 335 (C335)	
-	Đại đội TNXP 331 (C331)	
-	Đại đội TNXP 307 (C307)	Bộ tư lệnh Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 538 (C538)	
-	Đại đội TNXP 539 (C539)	
-	Đại đội TNXP 334 (C334)	
-	Đại đội TNXP 374 (C374)	
-	Đại đội TNXP 812 (C812)	
-	Đại đội TNXP 293 (C293)	

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
-	Đại đội TNXP 332 (C332)	BTL Đoàn 559, UBHC tỉnh Quảng Trị
-	Đại đội TNXP 333 (C333)	
-	Đại đội TNXP 12 (1971 - 1974)	Binh trạm 16 - Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 906 (4/1070 - 12/1972)	B71 - Đoàn 559
-	Đại đội TNXP 206 (C206)	Cục Đường sông
-	Đại đội TNXP 273 (C273)	
-	Đại đội TNXP 281 (C281)	Cục Quản lý Đường bộ
-	CTKS 65-B1-H8R	Văn phòng TW Đảng
-	Công trường 19-11 (CT 19-11)	Văn phòng Chính phủ
-	K 53	Bộ Tư lệnh Quân khu Trị Thiên Huế
2	Thanh niên xung phong tập trung địa phương	
-	Đội TNXP Cù Chính Lan (1969 - 1972) gồm 3 đv: C318, C305, C315	Ty GTVT Nghệ An
-	Đội Cù Chính Lan (1972 - 1975), gồm các đơn vị: C302, C304, 306, C307, C317, C318, C332, C333	
-	Đội 12 - 9	Ủy ban hành chính tỉnh Nghệ An
-	Tổng đội TNXP Sông Rinh	
-	Đội TNXP chủ lực Thủy lợi miền núi, gồm 4 đơn vị: C205 (Sơn Động); C2511 (Lục Ngạn); Đội chủ lực Hồ Cây Đa (Lục Nam); Đội chủ lực Yên Thế	Ủy ban hành chính tỉnh Hà Bắc
-	Đội 206 Cẩm Sơn	
-	Đại đội TNXP 117 (C117) 1966 - 1971	Ty GTVT tỉnh Lai Châu
-	Đại đội TNXP 27 (C27) 1966 - 1971	
-	Đội TNXP 43 (N43)	Ty Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa
-	Đội TNXP 92 (N92)	Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên
-	Đại đội TNXP 28A (C28A) 1973 - 1975	Ty GTVT Thái Nguyên
-	Đại đội TNXP 28B (C28B) 1973 - 1975	
-	Tổng đội TNXP tỉnh Thái Bình	Ủy ban hành chính tỉnh Thái Bình
-	Đại đội TNXP 19/8 (3/1966 - 9/1970)	Huyền Đoàn Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
-	Đại đội TNXP 905 (C905)	Ty Giao thông vận tải Ninh Bình
-	Đại đội TNXP 906 (C906)	
-	Đội TNXP chống Mỹ cứu nước Phú Thọ, gồm các đơn vị: C201, C202, C203, C204, C205, C206, C207, C208, C209, C2010, C211, C212, C213)	Ty GTVT tỉnh Phú Thọ
-	Công trường 101 Sân bay sao vàng (gồm các đại đội)	UBHC tỉnh Thanh Hóa - Ban CHCT 101
-	B20 (1972 - 1975)	Tỉnh Đoàn Sơn La
-	C261 (1965 - 1975)	Ty GTVT Sơn La
-	Công trường 8 Mai - Mã (1965 - 1975)	
-	Đội TNXXK tỉnh Tuyên Quang	UBHC tỉnh Tuyên Quang

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
C.	XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC	
I.	Giai đoạn 1954 - 1957	
1.	Đoàn TNXP Trung ương	
-	Đội TNXP 34	CT 111, CT112-Bộ GTVT
-	Đội TNXP 36	Văn phòng TW Đảng và Chính phủ;
-	Đội TNXP 38	CTĐS H.Nội - (Mục Nam Quan, Nam Định, Lào Cai)
-	Đội TNXP 40	CT 111, CT112 - Bộ GTVT
-	Đội TNXP 44	CTĐS Hà Nội - N.Định, Mỏ thiếc Tĩnh Túc
-	Đội TNXP 46	CT111 - Bộ GTVT
-	Đội TNXP 48	CT 111, CT112 - Bộ GTVT
-	Đội TNXP 56	Nhà máy Chè Phú Thọ, Hạ Hoà
2	Đội TNXP số 2 (1957 - 1958)	CTĐS 12 - 16 (Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Ninh Bình)
3	Đội TNXP Thủ đô - T31	CT đường 1B, CTĐS Hà Nội - Ninh Bình
4	Tổng đội TNXP K54	Khu Đoàn 3
5	Đội 55	Nhà máy Cá hộp, Bệnh viện Việt Tiệp
6	Đội TNXP kiến thiết Tuyên Quang	UBND tỉnh Tuyên Quang
II.	Giai đoạn 1958 - 1975	
1	Đội TNXP xây dựng XHCN TW Đoàn	
-	Công trường đường 12b Hòa Bình (CT12b) 1958 - 1960	Bộ Giao thông vận tải
-	Công trường đường 426 - 426B (CT426 - 426B) 1959 - 1963	
-	Công trường Nậm Rốm 1959 - 1963	Bộ Thủy Lợi
2	Công trường đường sắt Thanh niên	
-	CTĐS Đông Anh - Thái Nguyên (1959 - 1963)	Tổng cục Đường sắt
-	CTĐS Thanh Hóa - Vinh (1959 - 1963)	Tổng cục Đường sắt
3	Tiểu đoàn Thanh niên Xung kích (11/1962 - 1965)	Tỉnh Đoàn Tuyên Quang
4	Tổng đội TNXP tỉnh Cao Bằng (1956 - 1960), gồm các đơn vị: B1, B2, B3, B7, B8, B11, B12, B13.	Ty Giao thông tỉnh Cao Bằng
5	CT Đường Hạnh phúc (CT Hà Giang-Đồng Văn/H100) 1959 - 1964	Bộ GTVT, UBND tỉnh Hà Giang
6	Công trường đường Hà Giang - Bắc Mê (NQ33) 1973 - 1978	
7	Tổng đội TNXP 3 lò cao (TD 3 Lò cao) 1959 - 1963	Khu Gang thép Thái nguyên
8	Công trường 3 (CT3) 1959 - 1963	Tổng cục Hậu Cần

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý	
9	Lực lượng TNXP xây dựng Hồ Đại Lải (10/1959 - 6/1963)	Tinh đoàn Vĩnh Phúc - Ban Chỉ huy CT	
10	Khu Kinh tế Thanh niên Thanh Sơn 1970 - 1972	Trung ương Đoàn - Bộ Nông nghiệp	
11	Đại đội TNXP 1 miền Tây (1960 - 1965)	UBND tỉnh Thừa Thiên	
12	Đại đội TNXP 2 miền Tây (1960 - 1965)		
III. Giai đoạn sau 1975			
1	Lực lượng TNXP Trung ương Đoàn	Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	
-	Ban Chỉ huy Lực lượng TNXP Trung ương		
-	Tổng đội TNXP Vạn Xuân		
-	Tổng đội TNXP 26/3		
-	Tổng đội TNXP Trường Sơn		
2	Thành phố.Hồ Chí Minh		
2.1	Lực lượng TNXP thành Đoàn TP.Hồ Chí Minh		
-	Đại đội TNXP Áo Xanh (7/1975 - 3/1976), gồm các đại đội (C): C1, C2, C3, C4	Thành Đoàn thành phố Hồ Chí Minh	
-	Đại đội TNXP Áo Nâu (7/1975 - 3/1976), gồm các đại đội (C): C1, C2, C3, C4		
-	Trường Thanh niên xây dựng cuộc sống mới (11/1976 - 6/1980), gồm 3 phân hiệu: Xuyên Mộc, Tân Phú, Duyên Hải		
-	Tổng đội TNXP thành Đoàn, gồm 29 đơn vị (3/1976 - 9/1977):		
+	16 Liên đội (LĐ): LĐ1, LĐ11 (Lê Minh Xuân); LĐ2 (Vĩnh Lộc), LĐ3 (Xuân Thới Sơn); LĐ5 (Tân Thông Hội); LĐ 6 (Tân An Hội); LĐ4, LĐ 12 (Tân Phú Trung); LĐ7, LĐ8, LĐ9, LĐ14 (Phạm Văn Cội); LĐ10, LĐ15 (Thủ Đức); LĐ13 (Thái Mỹ); LĐ Xuyên Mộc		
+	Trường Huấn luyện TNXP Thủ Đức		
+	13 Liên đội cơ động (LĐCĐ): Từ LĐCĐ 1, đến LĐCĐ 13		
-	Đội TNXP tình nguyện 1 Tây Ninh (10/1975 - 3/1976)		Ban Xây dựng kinh tế mới Trung ương
-	Đội TNXP tình nguyện 2 Sông Bé (10/1975 - 3/1976)		

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế mới Trung ương (3/1976 - 9/1977), gồm 13 Liên đội: Kiên Cường (quận 1), Kiên Gan (quận 3), Kiên Quyết (quận 4), Quyết tâm (quận 5), Quyết Tiến (quận 6), Quyết thắng (quận 8), Trung Dũng (quận 10), Trung Thành (Quận 11), Thống Nhất (quận Gò Vấp), Dũng Tiến (quận Phú Nhuận), Dũng Chí (quận Tân Bình), Trung Kiên (quận Thủ Đức), Dũng Cầm (quận Bình Thạnh)	Ban Xây dựng kinh tế mới Trung ương
2.2	Ban Chỉ huy Lực lượng TNXP TP Hồ Chí Minh	UBND thành phố Hồ Chí Minh
*	<u>Giai đoạn từ 10/1977 đến 12/1979</u>	
-	9 Tổng đội (TĐ): TĐ 1, TĐ 3 Long An (9/1977 - 12/1978); TĐ 2 (12/1977-12/1979); TĐ 4 (9/1977 - 12/1979); TĐ 5, TĐ 7, TĐ 8 (9/1977 - 12/1979); TĐ 6, TĐ 9 (12/1977-12/1979)	
-	Tổng đội 3 Biên giới, gồm 14 liên đội (LĐ): từ LĐ 301 đến LĐ 314 (phục vụ chiến tranh biên giới Tây Nam (6/1978 - 12/1979)	
-	Công trường Nhị Xuân (12/1979 - 3/1981)	
-	Trường huấn luyện TNXP (9/1977 - 5/1981)	
*	<u>Giai đoạn từ 1980 đến 1990</u>	
-	7 Tổng đội (TĐ): TĐ 1 và TĐ 6 (11/1987 - 6/1992); TĐ 2 (1/1980-2/1090); TĐ 4 (1/1980-12/1988); TĐ 5 (2/1985-12/1987); TĐ 7 (2/1985-12/1989); TĐ 9 (2/1985-12/1988)	
-	6 Trường Giáo dục Lao động công nông nghiệp: Trường số 1, Trường số 2 (6/1980-3/1993); Trường số 3 (6/1980-11/1989); Trường số 4, Trường số 5, Trường số 6 (4/1985-9/1988)	
-	6 Nông trường: NT Nhị Xuân (3/1981-10/1994); NT Dừa Đỏ Hòa (10/1980-2/1991); TN Thanh Niên (4/1980-12/1988); NT Cao su số 5 (2/1984-12/1992); NT Cao su số 7 (2/1984-12/1990); NTTNXP Xuân Lộc 2 (1/1988-12/1990)	
-	2 Lâm trường: Quảng Tân (7/1981-12/1982); Lý Nhơn (4/1985-11/1989)	
-	3 Công ty: Cty Cao su Đắk Nông (5/1985-6/1989); Cty Cây công nghiệp xuất khẩu (6/1989-12/1992); Cty Liên doanh TNXP 3 thành phố - PROSECO (5/1989-3/1993)	

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
-	8 Xí nghiệp: XN Dịch vụ kỹ thuật sản xuất hàng mỹ nghệ xuất khẩu (6/1985-9/1989); XN Sản xuất chế biến nông lâm sản xuất khẩu số 2 (6/1965-12/1989); XN Vật tư - Vận tải (8/1984-3/1992); XN Bột giấy Thanh niên (1/1982-6/1990); XN Xây lắp Nguyễn Văn Trỗi (11/1985-6/1989); XN Khai thác chế biến lâm sản (5/1981-12/1992); XN Nông lâm sản xuất khẩu (6/1965-3/1990); Xí nghiệp 28/3 (1/1985-10/1989)	UBND thành phố Hồ Chí Minh
-	2 Xưởng sản xuất: Xưởng chế biến gỗ Thanh niên (1/1985-8/1989); Xưởng sản xuất Gạch ngói (1/1985-12/1987)	
-	Bệnh viện Quảng Tân (1/1985-12/1987)	
*	<u>Giai đoạn từ 1991 đến nay</u>	
-	2 Tổng đội (TĐ): TĐ số 1 (12/1995 - 2/2010); TĐ số 2 (1/1991 - 12/1993)	
-	6 Trường Giáo dục đào tạo và Giải quyết việc làm: Trường số 1, Trường số 2 (3/1993 đến nay); Trường số 3 (11/1999 đến nay); Trường số 4 (12/2000 - 2010), Trường số 5 (12/2001 - 9/2010), Trường số 6 (1/2002 - 9/2010)	
-	Trung tâm Giáo dục dạy nghề và GQVL Nhị Xuân (3/1994 đến nay)	
-	Trung tâm Giáo dục thường xuyên TNXP (4/2003 đến nay)	
-	BQL Cụm công nghiệp Khu dân cư Đô thị mới Nhị Xuân (7/2005 - 10/2010)	
-	Nông trường Cây công nghiệp xuất khẩu số 7 (10/1992 - 12/2003)	UBND thành phố Hồ Chí Minh
-	Cty Đầu tư và Xây dựng TNXP - CINCO (4/2000 - 4/2009)	
-	Cty Khai thác chế biến NLS và cung ứng XK - VYFACO (3/1990-4/2009)	
-	Cty Cổ phần Du lịch TNXP-VYC (9/1992 đến nay)	
-	Cty Trồng rừng và cung ứng nguyên liệu giấy (9/1992 - 12/2003)	
-	Cty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích TNXP (9/1997 đến nay)	
-	Cty SXKD thương mại và Dịch vụ XNK TNXP - VYC (2/1995 - 4/2009)	

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
-	Cty Đầu tư và Dịch vụ TP Hồ Chí Minh - INVESCO (12/1996 - 7/2006)	UBND thành phố Hồ Chí Minh
-	Cty Thương mại và dịch vụ TP Hồ Chí Minh - SCC (9/1992 - 12/1996)	
-	Cty SX chế biến thủy sản và dịch vụ XNK - SAPXIMEX (9/1992 - 12/1996)	
-	Cty Xây lắp và vật liệu xây dựng - COMACO (11/1992 - 4/2000)	
-	Cty cổ phần Cao su TP Hồ Chí Minh - HR CORP (7/2007 đến nay)	
-	Cty cổ phần Phát triển Nông nghiệp TNXP - ADECO (12/2008 đến nay)	
-	Trung tâm Đầu tư phát triển TNXP	
-	Ban Quản lý KT - BT tuyến đường đông tây	
3	Tỉnh Hậu Giang (TP Cần Thơ, Cần Thơ, Sóc Trăng)	
-	Ban TNXP - Ban Chỉ huy TNXP tỉnh Hậu Giang (1979 - 1990)	UBND tỉnh - Tỉnh đoàn Hậu Giang
-	Tổng đội TNXP tỉnh Hậu Giang (1979 - 1982)	
-	Tổng đội TNXP tỉnh Hậu Giang (3/1987 - 12/1990)	
-	Tiểu đoàn TNXP tỉnh Hậu Giang (4/1979 - 12/1981)	
-	Tổng đội TNXP thành phố Cần thơ (1987 - 1989)	UBND thành phố - Thành đoàn Cần Thơ
4	Tỉnh Long An	Tỉnh đoàn Long An
-	Tổng đội TNXP Long An	Tỉnh đoàn Long An
5	Tỉnh Kiên Giang	
-	Đoàn TNXP tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh - Tỉnh Đoàn Kiên Giang
-	Tổng đội TNXP tiền trạm III Kiên Giang	
6	Tỉnh Tây Ninh	
-	Tổng đội TNXPĐKT Tây Ninh - Cty TNHH TNXP Tây Ninh	UBND tỉnh - Tỉnh đoàn Tây Ninh
-	Tổng đội TNXP tỉnh Tây Ninh (12/1977 - 1981)	
-	Liên đội TNXP huyện Gò Dầu (1978 - 1999)	Huyện Đoàn Gò Dầu
-	Liên đội TNXP huyện Hòa Thành (1982 - 1994)	Huyện Đoàn Hòa Thành
-	Liên đội TNXP huyện Châu Thành (1983 - 1990)	Huyện đoàn Châu Thành
-	Liên đội TNXP huyện Trảng Bàng (1982 - 1986)	Huyện đoàn Trảng Bàng
-	Liên đội TNXP Tây Ninh (10/1982 - 1986)	Tỉnh đoàn Tây Ninh
7	Tỉnh Bình Dương và Bình Phước (tỉnh Sông Bé)	

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
	Đội TNXP Bình Dương	Tỉnh Đoàn Bình Dương
8	Tỉnh Đồng Nai	
-	Tổng đội TNXP tỉnh Đồng Nai I (2/1977 - 8/1979), gồm các 9 đơn vị: Liên đội TNXP I, II, III Nông trường Sông Ray; Liên đội TNXP Nông trường Thọ Vực; Nông lâm trường TNXP Vĩnh An; Nông lâm trường thanh niên lao động XHCN Hiếu Liêm; Nông trường TNXP Cao Cang; Trại thực nghiệm Bàu Cá; Nông trường TNXP Châu Thành	UBND tỉnh - Tỉnh Đoàn Đồng Nai
-	Tổng đội TNXP tỉnh Đồng Nai II (5/1986 - 8/1996)	
-	Công trường 15, gồm 6 đại đội (5/1975 - 1/1979)	
9	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
-	Tổng đội TNXP Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo (1882 - 1987)	UBND tỉnh - Tỉnh đoàn Bà Rịa - Vũng Tàu
-	Tổng đội TNXP tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1988 - 2003)	
10	Tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận (tỉnh Thuận Hải)	
-	Nông trường TNXP 16/4 (1977 - 1981)	
-	Nông trường La Ngà (8/1977 - 1980)	
-	Nông trường lúa Đa Cai (6/1978 - 1981)	
-	Nông trường thuốc lá Vĩnh Hảo (8/1978 - 1982)	UBND tỉnh Thuận Hải Ty Nông nghiệp Thuận Hải Ban Chỉ huy TNXP tỉnh Thuận Hải
-	Tiểu đoàn Sông Quao (9/1986 - 1989)	
-	Nông trường Bông Thanh Sơn (6/1977 - 1980)	
-	Công trường Thủy lợi K42 4/1978 - 4/1981)	
-	Nông trường Quán Thẻ (1978 - 7/1982)	
-	Nhà máy xi măng Phương Hải (5/1979 - 1982)	BGD Nhà máy Xi măng Phương Hải
-	Đội TNXP Đường sắt Thuận Hải (2/1979 - 7/1982)	Ban QLCSĐ Đoạn Đường sắt Thuận Hải
11	Tỉnh Lâm Đồng	
-	Ban Chỉ huy Lực lượng TNXP tỉnh Lâm Đồng (12/1987-2/1992)	Tỉnh đoàn Lâm Đồng
-	Liên đoàn TNXP Hà Giang (2/1977 - 12/1977)	Thành đoàn Đà Lạt
-	Đoàn TNXP tỉnh Lâm Đồng (12/1977-12/1980), gồm các đơn vị: Liên đội TNXP Đa Đồn (12/1977-4/1978); Liên đội TNXP Santa (4/1978-1/1979); Liên đội TNXP Bà Sa (4/1978-1/1979); Liên đội TNXP Quyết Thắng (1/1979-12/1980); Liên đội TNXP Tu Tra (4/1978-12/1980).	Tỉnh đoàn Lâm Đồng
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế tỉnh Lâm Đồng (12/1987-2/1992), gồm các đơn vị: Đội TNXP 27/11; Nông trường TNXP 26/3; Nông trường TNXP 3/2; Trại TNXP gia công đan-thêu.	

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
-	Liên đội TNXP Tà Hine (10/1977-12/1980)	Thành đoàn Đà Lạt
-	Liên đội Pa Ven Tây Đà (9/1978-12/1980)	
-	Đội TNTN thành phố Đà Lạt (12/1984-1987)	
-	Nông trại TNXP 3/2 (31977-81978)	Huyện đoàn Di Linh
12	Tỉnh Đắk Lắk	
-	Tổng đội TNXP Đắk Lắk (Cty TNHH MTV TNXP Đắk Lắk)	UBND tỉnh - Tỉnh đoàn Đắk Lắk
-	Tổng đội TNXP 26/3	Ban Kinh tế mới tỉnh Đắk Lắk
13	Tỉnh Gia Lai	
-	Công Ty xây dựng TNXP Gia Lai	UBND tỉnh - Tỉnh đoàn Gia Lai
14	Tỉnh Kon Tum	
-	Tổng đội TNXP Kon Tum	UBND tỉnh - Tỉnh Đoàn Kon Tum
15	Tỉnh Phú Khánh (Khánh Hòa, Phú Yên)	
-	Tổng đội TNXP Phú Khánh (1976 - 1980)	UBND tỉnh - Tỉnh Đoàn Phú Khánh
16	Tỉnh Bình Định và tỉnh Quảng Ngãi (tỉnh Nghĩa Bình)	
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế mới Thuần Mẫn (1979 - 1982)	Ban xây dựng kinh tế mới Tỉnh Đoàn Nghĩa Bình
-	Tổng đội TNXP xây dựng khu kinh tế mới Phước Vân (1978 - 1980)	
-	Tiểu đoàn TNXP Công trường 5A	Ty GTVT Nghĩa Bình
-	Tiểu đoàn TNXP Công trường 5B	Ty GTVT Nghĩa Bình
-	Tiểu đoàn TNXP Công trường 288A	UBHC tỉnh - Tỉnh Đoàn Nghĩa Bình
-	Tiểu đoàn TNXP xây dựng trạm bơm Nam Sông Vê	
-	Tiểu đoàn TNXP Nông trường 11/3	
-	Tiểu đoàn TNXP Nông trường chè Bình Khương	
-	Tiểu đoàn TNXP Nông trường Dừa 25/3	
-	Tiểu đoàn TNXP Nông trường Tháng 10 Bình Sơn	
-	Công trường TNXP đường sắt Nghĩa Bình	
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế Tây Nguyên	
-	Tiểu đoàn TNXP phục vụ biên giới Tây nam	Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Nghĩa Bình
-	Nông trường 24/3 huyện Đức Phổ	UBHC tỉnh Quảng Ngãi
-	Cty TNXP xây dựng Nông thôn và Miền núi	UBHC tỉnh - Tỉnh đoàn Quảng Ngãi
17	Tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng	
*	Giai đoạn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996)	
-	Tổng đội TNXP tháng 10/1975	Tỉnh đoàn Quảng Nam - Đà Nẵng
-	TNXP bảo vệ biên giới Tây Nam, gồm 5 Tiểu đoàn (D): D1, D2, D3, D4, D5	

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
	Trung đoàn Lê Đình Chinh, gồm: - 8 Trung đội TNXP (B) các huyện: B Tiên Phước; B Tam Kỳ; B Phú Ninh - Núi Thành; B Quế Sơn - Nông Sơn - Hiệp Đức; B Thăng Bình; B Duy Xuyên; B Đại Lộc; B Điện Bàn; B thị xã Hội An; - 5 đơn vị TNXP xây dựng các công trình: Hồ Cao Ngạn - Đội Thăng Bình; Hồ Giang - Nà Lâu - Đội Quế Sơn; Đập Vĩnh Trinh - Đội Duy Xuyên; Đập đá Vách - Đội Tiên Phước; Hồ Khe Tân - Đội Đại Lộc	UBND các huyện Tiên Phước, Phú Ninh, Núi Thành, Quế Sơn, Nông Sơn, Hiệp Đức, Thăng Bình, Duy Xuyên, Đại Lộc, Điện Bàn, thị xã Tam Kỳ, thị xã Hội An;
-	Tổng đội TNXP K80	
-	Tổng đội TNXP Điện Bàn (xây dựng khu kinh tế mới Khe Hoa)	UBND huyện - Huyện đoàn Điện Bàn
*	<i>Giai đoạn sau 1996</i>	
-	Tổng đội TNXP Quảng Nam	UBND tỉnh Quảng Nam
-	Cty cổ phần TNXP Quảng Nam	Tỉnh Đoàn Quảng Nam
-	Tổng đội TNXP Đà Nẵng	
-	Cty CP ĐT & XD TNXP Đà Nẵng	UBND thành phố Đà Nẵng Thành Đoàn Đà Nẵng
-	Cty XD & PVVL TNXP Đà Nẵng	
18	Tỉnh Thừa Thiên - Huế	
-	Ban Chỉ huy TNXP Sư đoàn Thủy lợi Đập Trầm Nam Thạch Hãn (1977 - 1978)	
-	Trung đoàn TNXP số 1 Phú Xuân (1977)	UBND tỉnh Bình Trị Thiên Tỉnh Đoàn Bình Trị Thiên
-	Trung đoàn TNXP số 2 thành phố Huế (1978 - 1979)	
-	Đội TNXP Tam Giang Hương Điền (1978 - 1979)	
-	Đoàn TNXP 1/77 Hương Phú (1977 - 1979)	
19	Tỉnh Quảng Trị	
-	Sư đoàn thủy lợi Bến Hải (10/1977-12/1980), có 33 đại đội (C): từ C1 đến C33	UBND tỉnh - Tỉnh đoàn Bình Trị Thiên
-	Tổng đội TNXP Quảng Trị	Tỉnh Đoàn Quảng Trị
20	Tỉnh Quảng Bình	
-	Sư đoàn Thủy lợi Lệ Ninh - Binh đoàn Thủy lợi Đồng Hới (từ C1 đến C34 theo các xã, thị trấn thuộc các huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh và thị xã Đồng Hới)	BCH Công trường Thủy nông Nam sông Thạch Hãn - Tỉnh Đoàn Bình Trị Thiên
-	Sư đoàn Thủy lợi Bố Trạch (Từ C1 đến C23 theo các xã trong huyện Bố Trạch)	
-	C5 - Binh đoàn Thủy lợi Đồng Hới	
-	Đại đội Ngư Thủy - Sư đoàn Thủy lợi Lệ Ninh	
-	Tổng đội TNXP Quảng Bình	Tỉnh Đoàn Quảng Bình

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
21	Tỉnh Hà Tĩnh	UBND tỉnh - Tỉnh Đoàn Hà Tĩnh
-	Xí nghiệp Nuôi trồng thủy sản TNXP Thạch Bàng	
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế Phúc Trạch	
-	Tổng đội TNXP xây dựng vùng kinh tế mới Tây Sơn	
22	Lực lượng TNXPĐKT Nghệ An	UBND tỉnh - Tỉnh Đoàn Nghệ An
-	Ban chỉ huy Lực lượng TNXP tỉnh Nghệ An	
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế 1	
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế 2	
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế 3	
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế 5	
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế 6	
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế 8	
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế 9	
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế 10	
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế Quỳnh Lưu	
-	Trung tâm Giáo dục dạy nghề và giải quyết việc làm Phúc Sơn	
23	Tỉnh Thanh Hóa	Tỉnh Đoàn Thanh Hóa
-	Tổng đội TNXP xây dựng và phát triển kinh tế tỉnh Thanh Hóa	
24	Tỉnh Thái Bình	
-	Lực lượng TNXP tiền trạm xây dựng kinh tế mới (1975 - 1980)	
25	Thành phố Hà Nội (Hà Nội, Hà Tây)	Thành đoàn Hà Nội
-	Lực lượng TNXP tiền trạm 76 - 79 tại Lâm Đồng, Sông Bé	
-	Đội TNXP xây dựng kinh tế - Quốc phòng Sơn La	UBND tỉnh Hà Sơn Bình
-	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế TP. Hà Nội	UBND thành phố - Thành Đoàn Hà Nội
-	Ban Chỉ huy Tổng đội	
-	Cty xây dựng TNXP Hà Nội	
-	Xí nghiệp khai thác than TNXP Hà Nội	
-	Nông trường trồng cói TNXP Cần Thoi	
26	Thành phố Hải Phòng	

Số TT	Đơn vị TNXP	Cơ quan quản lý
-	Trung đoàn 371	UBND thành phố Hải Phòng Thành đoàn Hải phòng
-	Cty (CP) Xây dựng TNXP Hải Phòng	
-	Tổng đội TNXP Hải phòng,	
-	Đội TNXP Đảo bạch Long Vĩ	
-	Tổng đội TNXP 26/3	
-	Trung tâm GD-DN và GQVL Hải Phòng	
27	Tỉnh Vĩnh Phú (Phú Thọ, Vĩnh Phúc)	
-	Đội TNXP Phú Thọ 78 - 82	UBND tỉnh - Tỉnh Đoàn Vĩnh Phúc
-	Công trường TNXP xây dựng Hồ Đại Lải (10/1959 - 6/1963)	
28	Tỉnh Hoàng Liên Sơn (Lào Cai, Yên Bái, Nghĩa Lộ)	
-	Đội TNXP huyện Bát Sát - C150 (1979 - 1982)	UBND tỉnh - Tỉnh đoàn Hoàng Liên Sơn
-	Đội TNXP huyện Mường Khương (1979 - 1982)	
-	Đội TNXP huyện Bắc Hà - C3280 (1979 - 1982)	
-	Đội TNXP thị xã Lào Cai (1979 - 1982)	
-	Đội TNXP huyện Bảo Thắng (1979 - 1982)	
-	Đội TNXP huyện Xa Pa (1979 - 1982)	
-	Đội TNXP xây dựng đường "Thuận Hải" (1985 - 1986)	Tỉnh Đoàn Hoàng Liên Sơn
-	Đội TNXP xây dựng đường Hoàng Liên Sơn (1984 - 1985)	
29	Tổng đội TNXP xây dựng tỉnh Cao Bằng	Tỉnh Đoàn Cao Bằng
30	Tỉnh Hà Giang	
-	Đoàn TNXP 147 (Xây dựng và bảo vệ biên giới) 1978 - 1982	UBND tỉnh Hà Giang
-	Tổng đội TNXP Hà Giang	Tỉnh Đoàn Hà Giang
31	Tỉnh Quảng Ninh	UBND tỉnh - Tỉnh đoàn Quảng Ninh
-	Tổng đội TNXP Đông Bắc Quảng Ninh	
-	Cty xây dựng TNXP Quảng Ninh	
32	Tổng đội TNXP Sơn La	Tỉnh Đoàn Sơn La
33	Tổng đội TNXP tỉnh Tuyên Quang	Tỉnh Đoàn Tuyên Quang

**MÃ HIỆU HÒM THƯ CỦA CÁC ĐƠN VỊ TNXP
CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC MIỀN BẮC TẠI CÁC TỈNH,
THÀNH PHỐ**

Tỉnh, thành phố	Mã hiệu hòm thư
Bắc Thái	P 11
Tuyên Quang	P 13
Hà Tĩnh	P 18
Hải Phòng	P 20
Hà Bắc	P 23
Lai Châu	P 23/C
Lạng Sơn	P 24
Lào Cai	P 25
Nam Hà	P 26
Cao Bằng	P12
Nghệ An	P 27
Ninh Bình	P 29
Phú Thọ	P 30
Quảng Bình	P 31
Thanh Hoá	P 37
Tuyên Quang	P 38
Yên Bái	P 41
Vĩnh Linh	P 78
Quảng Trị	P39

